

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ /BACHELOR OF URBAN ECONOMICS AND MANAGEMENT ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KINH TẾ (ECONOMICS)
MÃ NGÀNH/CODE:	7310101
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế (Chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị) hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội – môi trường, quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý đô thị trong bối cảnh toàn cầu hóa, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong Kinh tế và Quản lý đô thị; có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* Đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Cử nhân Kinh tế - chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị có thể làm việc tại: (1) Cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương: Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Phát triển đô thị, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản; (2) Cơ quan quản lý Nhà nước về đô

thị cấp địa phương: UBND tỉnh/ thành phố/ quận, huyện, thị xã, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý dự án, Phòng Quản lý đô thị; (3) Các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đầu tư, phát triển các khu đô thị mới, cơ sở hạ tầng đô thị, cung cấp dịch vụ đô thị, khu công nghiệp; (4) Các tổ chức tư vấn chính sách, tư vấn phát triển đô thị, quy hoạch, tổ chức không gian sống trong đô thị; (5) Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các dự án liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, quản lý và phát triển đô thị. (6) Các viện nghiên cứu, trường đại học đào tạo về kinh tế và quản lý đô thị.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Người học có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội – môi trường, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý đô thị và nguyên lý hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình ở đô thị; hiểu được yêu cầu phối hợp giữa các bên liên quan để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình ở đô thị; có khả năng tích hợp kiến thức nền tảng để phát hiện vấn đề trong hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình ở đô thị.	CDR1
	Người học nắm vững các nguyên tắc và quy trình xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đô thị; có khả năng vận dụng vào các lĩnh vực hoặc thị trường đặc thù; có khả năng ứng dụng kiến thức kinh tế và quản lý đô thị vào phân tích tình huống cụ thể, đề xuất giải pháp phù hợp bất kịp với những tình huống ngoài dự tính thuộc lĩnh vực đô thị: nghiên cứu thị trường nhà ở đô thị; tắc nghẽn giao thông; ô nhiễm môi trường đô thị; nghèo đói đô thị; thất nghiệp đô thị....	CDR2
	Người học có khả năng thể hiện hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước, quốc tế; phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa tới hoạt động của các doanh nghiệp, hộ gia đình và chính quyền ở đô thị và đề xuất được các giải pháp phát triển trong môi trường toàn cầu; nhận thức được ảnh hưởng của CMCN4.0 tới hoạt động kinh doanh và phát triển đô thị, từ đó, vận dụng được các công cụ quản lý đô thị nhằm thích ứng với CMCN4.0	CDR3
	Người học có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ	CDR4

CDR	Mô tả	Mã CDR
	Chí Minh và có khả năng lãnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	
	Người học hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các môn học khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.	CDR5
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Người học có khả năng làm chủ kỹ thuật công nghệ cần thiết, logic và các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng các mô hình toán học căn bản để phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh doanh, hành vi khách hàng, về kết quả hoạt động của doanh nghiệp và chính quyền đô thị bằng kiến thức chuyên môn khoa học; từ đó đưa ra định hướng, giải pháp nhằm cải thiện kết quả hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp và hộ gia đình ở đô thị.	CDR6
	Người học có khả năng tích hợp kiến thức và kỹ năng để phân tích hiện tượng, phát hiện vấn đề trong lĩnh vực đô thị; xác định nguyên nhân của vấn đề trong một tổ chức/doanh nghiệp cụ thể. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn.	CDR7
	Người học có khả năng ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề ở đô thị trong những tình huống cụ thể, đưa ra giải pháp cho các sự việc/vấn đề ngoài dự tính; có kỹ năng thực hành thẩm định giá đất và nhà ở đô thị.	CDR8
	Người học có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các mảng hoạt động được giao.	CDR9
	Người học có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; Người học có đủ sức khỏe và có những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng theo yêu cầu của Thông tư số 31/2012/TT-BGD & ĐT ngày 12.9.2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	CDR10
	CDR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
CDR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-	CDR12

CDR	Mô tả	Mã CDR
	ĐHKTKD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Người học có hiểu biết về pháp luật, yêu cầu tuân thủ pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong công việc; tuân thủ các quy định của đơn vị, tổ chức; thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0; có đạo đức, trách nhiệm với công việc.	CDR13

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 128 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	41	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	128	Không kể GDQP và AN; GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế-chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			20		
1	1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	<i>1.2. Các học phần của Trường</i>			12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	<i>1.3. Các học phần của ngành</i>			12		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	TKKD1129	3	II	

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế-chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
		Statistics for Economics and Business				
12	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	NLKT1101	3	III	
13	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
14	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1007	3	III	
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			84		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			15		
15	1	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	IV	
16	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	
17	3	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	V	
18	4	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	IV	
19	5	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	V	
	2.2. Kiến thức ngành			41		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			26		
20	1	Kinh tế đô thị Urban Economics	MTDT1127	3	III	KHMI1101 KHMA1101
21	2	Quản lý đô thị Urban Management	MTDT1120	3	IV	
22	3	Quản lý dự án đô thị Urban Project Management	MTDT1124	3	IV	
23	4	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI1102	3	V	
24	5	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	MTKH1103	3	VII	
25	6	Kinh tế tài nguyên đất Land Resource Economics	TNDC1139	3	VI	
26	7	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	IV	
27	8	Xã hội học Sociology	NLQT1106	3	VII	
28	9	Đề án môn học - Kinh tế và quản lý đô thị Essay on Urban Economics and Management	MTDT1104	2	VI	

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế-chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		
29- 33	1	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3	VII	
	2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socio-Economic Research Methods	PTCC1128	3	VII	
	3	Kinh tế vĩ mô 2 Macroeconomics 2	KHMA1102	3	VII	
	4	Định giá bất động sản Real Estate Valuation	TNBD1127	3	VII	
	5	Quản lý nhà nước về đất đai Land Administration	TNDC1142	3	VII	
	6	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	VII	
	7	Đô thị hóa và phát triển Urbanization and Development	MTDT1121	3	VI	
	8	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	VII	
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
34- 39	1	Tài chính đô thị Municipal Finance	MTDT1126	3	VI	KHMI1101 KTKE1101
	2	Quy hoạch vùng và đô thị Urban and Regional Planning	MTDT1114	3	V	
	3	Hệ thống thông tin địa lý Geographic Information System	MTDT1106	3	VI	
	4	Kinh tế và quản lý nhà ở đô thị Urban Housing Economics and Management	MTDT1123	3	V	
	5	Đô thị và biến đổi khí hậu Cities and Climate Change	MTDT1122	3	VI	KHMI1101 KHMA1101
	6	Quản lý hành chính nhà nước ở đô thị Managing Urban Administrative Affairs	MTDT1125	3	V	
	7	Phân tích chi phí - lợi ích Cost-Benefit Analysis	MTKT1135	3	VII	
	8	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp Management of Urban Environment and Industrial Estates	MTKT1157	3	VII	
	9	Đánh giá tác động môi trường Environmental Impact Assesment	MTKT1151	3	VII	
40	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		MTDT1128	10	VIII	

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế-chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Tổng số tín chỉ		128		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Đinh Đức Trường

PGS.TS Phạm Hồng Chương